

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh trung học phổ thông
năm học 2021-2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1065/TTr-SGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2021-2022, gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

A. Về kế hoạch tuyển sinh

I. Đăng ký dự tuyển đối với trường THPT không chuyên

1. Đối tượng tuyển sinh

Là học sinh đã tốt nghiệp THCS theo chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên, có độ tuổi được quy định theo Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển: 06 trường (có phụ lục kèm theo).

- Phương thức tổ chức xét tuyển: 29 trường, trung tâm (có phụ lục kèm theo).

- Tuyển thẳng:

a. Tuyển thẳng vào trường Phổ thông Dân tộc nội trú Tây Ninh:

- Học sinh tốt nghiệp THCS tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Học sinh thuộc dân tộc rất ít người.

b. Tuyển thẳng vào trường THPT thực hiện phương thức xét tuyển (nếu có nguyện vọng vào các trường THPT thực hiện phương thức kết hợp giữa thi và xét tuyển phải tham dự kỳ thi và được chuyển thành điểm ưu tiên).

- Học sinh tốt nghiệp THCS tại trường phổ thông dân tộc nội trú.
- Học sinh thuộc dân tộc rất ít người.
- Học sinh khuyết tật.
- Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

3. Ưu tiên: Học sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng theo tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất.

a. Nhóm đối tượng 1: (được hưởng 1,5 điểm)

- Con liệt sĩ.
- Con thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên.
- Học sinh thuộc dân tộc rất ít người.
- Học sinh khuyết tật.
- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.
- Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

b. Nhóm đối tượng 2: (được hưởng 1,0 điểm)

- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
- Con thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động dưới 81%.

c. Nhóm đối tượng 3: (được hưởng 0,5 điểm)

- Có cha hoặc mẹ là dân tộc thiểu số.
- Học sinh là dân tộc thiểu số.
- Học sinh đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (theo quy định của Thủ tướng Chính phủ).
- Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

4. Tổ chức tuyển sinh

a. Kết hợp giữa thi và xét tuyển

(Đối tượng thuộc diện tuyển thẳng nếu có nguyện vọng vào các trường THPT thực hiện phương thức kết hợp giữa thi và xét tuyển phải tham dự kỳ thi và chỉ được cộng điểm ưu tiên).

- **Môn thi:** Người học dự tuyển vào lớp 10 dự thi 03 môn Ngữ văn (120 phút); Toán (120 phút) và Tiếng Anh (60 phút) kết hợp với điểm bình quân trung bình cả năm ở 04 lớp cấp THCS và điểm ưu tiên (nếu có) cụ thể:

Điểm xét tuyển = (Ngữ văn X 2) + (Toán X 2) + Tiếng Anh + Điểm bình quân trung bình cả năm ở 04 lớp cấp THCS + điểm ưu tiên (nếu có).

- **Hình thức thi:** Thi theo hình thức thi tự luận (đối với môn Ngữ văn và Toán); thi theo hình thức trắc nghiệm (đối với môn Tiếng Anh).

- **Thời gian làm bài thi:** 120 phút (đối với môn Ngữ văn và Toán); 60 phút (đối với môn Tiếng Anh).

- **Hệ số điểm bài thi:** Hệ số 2 (đối với môn Ngữ văn và Toán); hệ số 1 (đối với môn Tiếng Anh).

- Nguyên tắc xét tuyển: Chỉ xét tuyển đối với thí sinh đã thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và các bài thi Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh đều đạt từ 1,0 trở lên theo nguyên tắc điểm xét tuyển cao xếp trước, điểm xét tuyển thấp xếp sau. Trường hợp thí sinh có đồng điểm xét tuyển sẽ được tính đến điểm trung bình cả năm của lớp 9 THCS theo thứ tự điểm cao xếp trước, điểm thấp xếp sau.

b. Xét tuyển: Người học dự tuyển vào lớp 10 dựa vào kết quả học tập và rèn luyện ở 04 năm THCS kết hợp với điểm bình quân trung bình cả năm ở 04 lớp cấp THCS và điểm ưu tiên (nếu có) cụ thể:

- Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 10 điểm.

- Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 9 điểm.

- Hạnh kiểm khá, học lực khá: 8 điểm.

- Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 7 điểm.

- Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 6 điểm.

- Các trường hợp còn lại: 5 điểm.

*** Công thức tính điểm xét tuyển:**

Điểm xét tuyển = Tổng điểm học tập và rèn luyện ở 4 năm THCS + điểm bình quân trung bình cả năm ở 04 lớp cấp THCS + điểm ưu tiên (nếu có).

- Nguyên tắc xét tuyển: Thực hiện theo nguyên tắc điểm xét tuyển cao xếp trước, điểm xét tuyển thấp xếp sau. Trường hợp người dự tuyển có đồng điểm xét tuyển sẽ được tính đến điểm trung bình cả năm của lớp 9 THCS theo thứ tự điểm cao xếp trước, điểm thấp xếp sau.

II. Đăng ký dự tuyển đối với trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha

1. Đối tượng và địa bàn tuyển sinh: người học đăng ký dự tuyển vào trường chuyên phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Là học sinh đã tốt nghiệp THCS theo chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên, có độ tuổi được quy định theo Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp cấp trung học cơ sở từ khá trở lên.

- Xếp loại tốt nghiệp trung học cơ sở từ khá trở lên.

2. Phương thức tuyển sinh

a. Nguyên tắc tuyển sinh

- Người học được đăng kí dự thi nhiều nhất là 02 môn chuyên phù hợp với lịch thi quy định (môn chuyên 1, môn chuyên 2). Nếu không trúng tuyển ở môn chuyên 1, người học được tiếp tục xét ở môn chuyên 2.

- Mỗi người học dự thi 3 môn không chuyên, gồm: Toán không chuyên, Ngữ văn không chuyên, Tiếng Anh không chuyên và nhiều nhất 02 môn chuyên (phù hợp với lịch thi). Người học có nguyện vọng thi vào lớp chuyên Tin học (nguyện vọng 1 hoặc nguyện vọng 2) phải dự thi môn Toán chuyên.

- Kỳ thi vào trường chuyên được tổ chức thi 04 buổi thi, gồm: Buổi 1: Ngữ văn không chuyên; Tiếng Anh không chuyên; Buổi 2: Toán không chuyên; Buổi 3: Ngữ văn chuyên, Toán chuyên; Buổi 4: Vật lí chuyên, Hóa học chuyên, Sinh học chuyên, Tiếng Anh chuyên.

b. Tổ chức tuyển sinh: 2 vòng

- Vòng 1 (sơ tuyển): Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha tổ chức kiểm tra hồ sơ dự tuyển đảm bảo hợp lệ và đủ điều kiện dự tuyển theo quy định.

- Vòng 2 (thi tuyển):

+ Thí sinh đạt ở vòng sơ tuyển phải tiếp tục dự thi các môn không chuyên (Ngữ văn không chuyên; Toán không chuyên, Tiếng anh không chuyên) và nhiều nhất là 2 môn chuyên.

+ Môn thi: Thi viết, gồm: Ngữ văn không chuyên (hệ số 1, 120 phút); Tiếng Anh không chuyên (hệ số 1, 60 phút); Toán không chuyên (hệ số 1, 120 phút); môn chuyên: Ngữ văn (150 phút), Toán (150 phút), Vật lí (150 phút), Hoá học (150 phút), Sinh học (150 phút), Tiếng Anh (150 phút, có phần nghe). Các môn chuyên được tính hệ số 2.

c. Quy định trong việc xét tuyển

- Điểm xét tuyển:

+ Điểm xét tuyển vào lớp chuyên là tổng số điểm các bài thi không chuyên, điểm bài thi môn chuyên tương ứng với lớp chuyên (đã tính hệ số).

+ Điểm xét tuyển vào lớp không chuyên (lớp 10 nguồn) là tổng số điểm các bài thi môn không chuyên và môn chuyên (điểm các bài thi đều tính hệ số 1).

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Chỉ xét tuyển đối với thí sinh được tham gia thi tuyển, đã thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và các bài thi đều đạt điểm lớn hơn 2.

+ Thí sinh không trúng tuyển ở môn chuyên 1 được tiếp tục xét tuyển theo kết quả môn chuyên 2.

+ Thí sinh không trúng tuyển ở môn chuyên 1, 2 được tiếp tục xét tuyển vào lớp 10 nguồn (đã được thí sinh đăng kí từ đầu).

- Cách tính điểm xét tuyển vào lớp nguồn như sau:

+ Chỉ xét đối với thí sinh có đăng kí nguyện vọng vào lớp nguồn từ ban đầu.

+ Thí sinh thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và các bài thi đều đạt điểm lớn hơn 2.

+ Điểm xét tuyển vào lớp 10 nguồn là tổng số điểm các bài thi môn không chuyên và môn chuyên không tính hệ số. Trường hợp thí sinh dự thi 02 môn chuyên, sẽ được tính ở môn chuyên nào có điểm số cao.

+ Thí sinh không trúng tuyển vào trường chuyên được tiếp tục dự xét tuyển vào trường thực hiện phương thức kết hợp giữa thi và xét tuyển (nếu được đăng kí từ ban đầu).

B. Về chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 của các trường THPT và các Trung tâm GDNN-GDTX năm học 2021-2022 (Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh có kế hoạch riêng): Số học sinh dự kiến tốt nghiệp THCS: 14.532 học sinh.

- Số học sinh tuyển vào lớp 10 THPT: 11.380 học sinh, tỉ lệ 78,31%.

- Số học sinh tuyển vào lớp 10 các Trung tâm GDNN-GDTX: 1.140 học sinh, tỉ lệ 7,84 %.

- Tỉ lệ tuyển sinh toàn tỉnh: 12.520 học sinh, tỉ lệ 86,2%.

(bảng chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *ly*

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT.HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Báo Tây Ninh, Đài PTTHTN;
- LĐVP;
- CVKGVX;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH
CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, TRUNG TÂM
GDNN-GDTX TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2021-2022**
(Đính kèm theo Quyết định 931/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2021
của UBND tỉnh)

I. Trường Trung học phổ thông tổ chức thi tuyển: Trường Trung học phổ thông chuyên Hoàng Lê Kha (thành phố Tây Ninh).

II. Các trường Trung học phổ thông tổ chức kết hợp thi tuyển và xét tuyển:

1. Trung học phổ thông Tây Ninh (thành phố Tây Ninh).
2. Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa (thành phố Tây Ninh).
3. Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt (Hòa Thành).
4. Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh (Hòa Thành).
5. Trung học phổ thông Nguyễn Trãi (Trảng Bàng).
6. Trung học phổ thông Nguyễn Huệ (Bến Cầu).

III. Các trường Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên tổ chức xét tuyển:

1. Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm (thành phố Tây Ninh).
2. Trung học phổ thông Lê Quý Đôn (thành phố Tây Ninh).
3. TH-THCS-THPT IGC Tây Ninh (thành phố Tây Ninh).
4. Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực (Hòa Thành).
5. Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ (Châu Thành).
6. Trung học phổ thông Lê Hồng Phong (Châu Thành).
7. Trung học phổ thông Trần Phú (Tân Biên).
8. Trung học phổ thông Lương Thế Vinh (Tân Biên).
9. Trung học phổ thông Tân Châu (Tân Châu)
10. Trung học phổ thông Tân Hưng (Tân Châu).
11. Trung học phổ thông Tân Đông (Tân Châu).
12. Trung học phổ thông Dương Minh Châu (Dương Minh Châu).
13. Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình (Dương Minh Châu).
14. Trung học phổ thông Quang Trung (Gò Dầu).
15. Trung học phổ thông Ngô Gia Tự (Gò Dầu).

16. Trung học phổ thông Nguyễn Văn Trỗi (Gò Dầu).
17. Trung học phổ thông Trảng Bàng (Trảng Bàng).
18. Trung học phổ thông Lộc Hưng (Trảng Bàng).
19. Trung học phổ thông Bình Thạnh (Trảng Bàng).
20. Trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng (Bến Cầu).
21. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Châu Thành.
22. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Tân Châu.
23. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Tân Biên.
24. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Dương Minh Châu.
25. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Gò Dầu.
26. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Thị xã Trảng Bàng.
27. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Bến Cầu.
28. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thành phố Tây Ninh.
29. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Thị xã Hòa Thành.

Tổng cộng danh sách: 35 trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX.

Trong đó:

- Thi tuyển: 01 trường;
- Kết hợp thi tuyển với xét tuyển: 06 trường;
- Xét tuyển: 28 trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, TRUNG TÂM
GDNN-GDTX TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2021-2022
(Đính kèm theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2021
của UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị	Lớp	Tuyển mới	Ghi chú
(a)	(1)	(3)	(4)	(5)
	Thành phố Tây Ninh	58	2,509	
1	THPT Tây Ninh	14	620	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
2	THPT Trần Đại Nghĩa	10	445	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
3	THPT Lê Quý Đôn	11	485	Xét tuyển
4	THPT Chuyên Hoàng Lê Kha	9	335	Thi tuyển
5	GDNN-GDTX Thành phố	5	255	Xét tuyển
6	TH-THCS-THPT IGC Tây Ninh	4	144	Xét tuyển
7	THPT Nguyễn Bình Khiêm	5	225	Xét tuyển
	Huyện Tân Biên	24	1,010	
1	THPT Trần Phú	14	590	Xét tuyển
2	THPT Lương Thế Vinh	7	300	Xét tuyển
3	GDNN-GDTX Tân Biên	3	120	Xét tuyển
	Huyện Tân Châu	30	1,303	
1	THPT Tân Hưng	6	260	Xét tuyển
2	THPT Tân Châu	15	655	Xét tuyển
3	THPT Tân Đồng	7	300	Xét tuyển
4	GDNN-GDTX Tân Châu	2	88	Xét tuyển
	Huyện Dương Minh Châu	27	1,171	
1	THPT Dương Minh Châu	15	645	Xét tuyển
2	THPT Nguyễn Thái Bình	9	396	Xét tuyển
3	GDNN-GDTX Dương Minh Châu	3	130	Xét tuyển
	Huyện Châu Thành	26	1,062	
1	THPT Hoàng Văn Thụ	16	710	Xét tuyển
2	THPT Lê Hồng Phong	6	255	Xét tuyển
3	GDNN-GDTX Châu Thành	4	97	Xét tuyển
	Huyện Hòa Thành	47	1,642	
1	THPT Nguyễn Chí Thanh	12	535	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
2	THPT Lý Thường Kiệt	12	537	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
3	THPT Nguyễn Trung Trực	8	350	Xét tuyển
4	GDNN-GDTX Hoà Thành	15	220	Xét tuyển
	Huyện Gò Dầu	32	1,435	
1	THPT Nguyễn Văn Trỗi	8	355	Xét tuyển
2	THPT Quang Trung	14	620	Xét tuyển
3	THPT Ngô Gia Tự	7	310	Xét tuyển
4	GDNN-GDTX Gò Dầu	3	150	Xét tuyển
	Huyện Bến Cầu	17	730	
1	THPT Nguyễn Huệ	8	355	Kết hợp giữa thi và xét tuyển

Stt	Đơn vị	Lớp	Tuyển mới	Ghi chú
(a)	(1)	(3)	(4)	(5)
2	THPT Huỳnh Thúc Kháng	8	355	
3	GĐNN-GĐTX Bến Cầu	1	20	Xét tuyển
	Huyện Trảng Bàng	39	1,658	Xét tuyển
1	THPT Nguyễn Trãi	11	485	
2	THPT Trảng Bàng	8	340	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
3	THPT Lộc Hưng	10	430	Xét tuyển
4	THPT Bình Thạnh	8	343	Xét tuyển
5	GĐNN-GĐTX Trảng Bàng	2	60	Xét tuyển
	Tổng cộng	300	12,520	Xét tuyển
	Chia ra: - Khối GĐNN-GĐTX	38	1,140	25
	- Khối THPT	262	11,380	11
				14

Số đơn vị xét tuyển:

28 đơn vị

Số đơn vị kết hợp thi và xét tuyển:

06 đơn vị

* Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha thi tuyển gồm 09 lớp, trong đó có 02 lớp không chuyên (lớp nguồn).

* Trường Phổ thông dân tộc nội trú "tuyển sinh riêng".